

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HC-ST

Ngày: 10/8/2018

V/v khiếu kiện: “Quyết định hành
chính phê duyệt phương án bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên

Ngày **10** tháng **8** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 01/2018/TLST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2018/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: ấp Thành H1, xã Tân Thành B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1966. Địa chỉ: ấp 1 xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Đ – Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm: 1976. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thành H1, xã Tân Thành B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bé T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Bà T sang lấp và cất nhà ở trên thửa đất 62, tờ bản đồ 20, tọa lạc tại ấp Thành H1, xã Tân Thành B, huyện M từ năm 1982 cho đến nay. Phần đất san lấp có chiều dài theo lộ là 16m, sâu giáp rạch là 11m, nay giải tỏa 4m, còn lại 7m. Hiện trạng năm 1982 lúc đó là lộ đá còn hẹp, phần bà san lấp là triền lộ, bà đắp kè ra thêm. Qua hai lần nới lộ, phần bà san lấp cũ đã hết, bà đắp thêm và làm sàn nhà dời vô, sau đó tiếp tục đổ cát lấp kè thêm. Nay là giải tỏa lần thứ 3.

Khi đo đạc thông kê không nói đến tiền san lấp mặt bằng, khi trả tiền theo quyết định phê duyệt thì có thêm cột tiền san lấp. Ông T2 không san lấp nhưng được bồi thường khoản tiền này nên bà T khiếu nại một phần Quyết định 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M. Thanh tra huyện nói đất này của ông T2 nên yêu cầu bà chia 50% phần tiền san lấp. Do bà là người dân không hiểu biết pháp luật, hơn nữa ngày trước gia đình bà có hỏi xin cha của ông T2, lúc đó cha ông T2 nói lẽ lộ muốn làm thì làm nên bà đồng ý cách giải quyết của Thanh tra huyện.

Khi bà T dời hàng rào vô thì bị ông T2 đập phá, sau đó bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B đề yêu cầu ông T2 bồi thường thì bà mới biết đây là đất sông rạch, đất lộ giới do Nhà nước quản lý chứ không phải của ông T2, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T2 không có phần đất này. Đo đạc chính quy ông T2 mới kê khai nhưng Ủy ban nhân dân huyện chưa công nhận và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2. Biên bản làm việc của Thanh tra huyện chỉ ghi 50% tiền san lấp nhưng không ghi số tiền cụ thể. Thanh tra huyện cho ông T2 rút tiền rồi yêu cầu ông T2 đưa cho bà T 3.923.000 đồng. Bà T có nhận số tiền này nhưng không có ký tên ký nhận.

Ông yêu cầu hủy một phần Quyết định 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định bổ sung phần tiền san lấp mặt bằng cho bà Bé T.

Tại công văn số 300/UBND-NC ngày 28/02/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 19/01/2016, Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 168 về việc phê duyệt bổ sung đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre vào dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu – QL60, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre theo hình thức hợp đồng BOT.

Thực hiện văn bản trên, các ngành chức năng có liên quan đã tiến hành kiểm kê tài sản trên đất đối với các hộ dân có đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng để mở rộng QL60, trong đó có trường hợp của bà Bé T và ông T2.

Tại biên bản kiểm kê số 139/BBKK-CNTTPTQĐ-MCB ngày 08/11/2016 thể hiện tài sản trên thửa đất 62a là của bà Bé T, chủ sử dụng đất theo hiện trạng là ông

Nguyễn Thành T2 và biên bản này cũng được bà T, ông T2 ký xác nhận. Theo biên bản kiểm kê số 144/BBKK-CNTTPTQĐ-MCB ngày 08/11/2016 thì thửa đất 62a có diện tích 26,8m² do ông T2 kê khai.

Ngày 12/5/2017, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B tổ chức công khai phương án bồi thường và giao bằng áp giá để lấy ý kiến đóng góp. Ngày 16/5/2017, bà T có ý kiến đồng ý với bản áp giá bồi thường và ngày 19/10/2017, bà T ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Riêng phần diện tích 26,8m² mà ông T2 kê khai không được bồi thường, lý do theo hồ sơ địa chính năm 1994 của xã Tân Thành B, phần diện tích mà ông T2 kê khai là sông, rạch (hiện trạng hộ dân đã san lấp), do đó ông T2 chưa đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ và đề nghị xem xét hỗ trợ phần cát san lấp.

Qua xem xét, ngày 15/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có công văn số 3711/UBND-KT thống nhất chủ trương bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp cho 56 trường hợp hộ dân đã san lấp kênh, rạch trong đó có trường hợp của ông T2. Trên cơ sở đó, ngày 27/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định 2545/QĐ-UBND để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân, riêng phần diện tích 26,8m², ông T2 được hỗ trợ tổng số tiền 7.847.000 đồng và ông T2 đã nhận tiền hỗ trợ này.

Việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 là đúng nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, do đó yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại công văn số 97/CNTTPTQĐ ngày 29/5/2018 và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M trình bày:

Chính sách bồi thường hỗ trợ cho ông T2 được tính trên thửa 62a, diện tích 26,8m² là do ông T2 là chủ sử dụng đất theo hồ sơ trích lục do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cung cấp. Theo biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất tại vị trí thửa 62a ngày 08/11/2016 với nội dung 02 hộ thống nhất về đất là của ông T2; về nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng trên đất là của bà T do ông T2 cho bà T cất nhà ở nhờ trên đất và được hai bên thống nhất ký xác nhận vào biên bản. Về điều kiện bồi thường đất do thửa 62a có mục đích sử dụng theo bản đồ 299 là rạch, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa đủ điều kiện bồi thường về đất. Do ông T2 và nhiều hộ dân sử dụng đất có mục đích theo bản đồ 299 là sông, rạch không đồng ý nên sau khi xét quá trình sử dụng đất có đối chiếu hồ sơ địa chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cho chủ trương bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp cho 56 hộ dân, trong đó có ông T2.

Yêu cầu khởi kiện của bà T không có cơ sở vì bà T không có tên trong hồ sơ địa chính, thời điểm kiểm kê bà thừa nhận ở nhờ trên thửa đất 62a của ông T2 là người có tên trong hồ sơ địa chính là căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định. Về số lượng, chủng loại tài sản kiểm kê và đơn giá bồi thường bà đã thống nhất, về đất bà cũng thừa nhận ở nhờ trên đất ông T2.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2 trình bày:

Phần đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông để lại. Năm 1982 ba ông có cho bà Bé T cất tiệm để uốn tóc trên thửa 62a là đất đã có mặt bằng sẵn, bà Bé T chỉ làm thêm lên để làm nền nhà ở. Thanh tra huyện có đến xác nhận bà Bé T có làm thêm lên để cất nhà và ông có thỏa thuận hỗ trợ bà 50% tiền san lấp và bà cũng đồng ý. Quyết định 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M hỗ trợ cho ông phần san lấp mặt bằng là đúng với thực tế vì đất là đất của gia đình ông. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Bé T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ngày 27/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hợp đồng BOT đoạn 2, 3 địa bàn huyện M (đợt 5). Căn cứ khoản 1 Điều 3; các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – Ông Nguyễn Văn S – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính là 01 năm kể từ ngày nhận hoặc biết được quyết định. Quyết định số 2545/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre được ban hành vào ngày 27/9/2017. Ngày 02/01/2018, bà Bé T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre yêu cầu hủy một phần quyết định này. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của bà Bé T đối với quyết định hành chính nêu trên vẫn còn.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hợp đồng BOT, trên cơ sở được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre giao nhiệm vụ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án, Ủy ban nhân dân huyện M đã chỉ đạo các ngành có liên quan tiến hành thủ tục kiểm kê đất đai và tài sản trên đất đối với các hộ dân có đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng để mở rộng quốc lộ 60. Căn cứ Luật Đất đai và bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M công khai bản áp giá và lấy ý kiến các hộ dân, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Bé T và hộ ông Nguyễn Thành T2. Sau khi tổng hợp ý kiến các hộ dân, qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 04 đoạn tuyến quốc lộ 60 trên địa bàn huyện M. Trên cơ sở đó, ngày 27/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân.

Việc Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hợp đồng BOT đoạn 2, 3 địa bàn huyện M (đợt 5) là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung quyết định:

Căn cứ danh sách các hộ dân được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, do bà Nguyễn Thị Bé T thuộc diện 08 hộ có tài sản trên đất người khác nên bà được bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình, vật kiến trúc và cây trồng với số tiền 10.086.000 đồng. Ông Nguyễn Thành T2 được bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp sông, rạch với số tiền 18.768.000 đồng (gồm thửa 46b, 62a và thửa 61a) do ông thuộc hộ sử dụng đất mục đích theo hồ sơ 299 là đất Rạch, hiện trạng đã được san lấp. Bà Bé T không đồng ý việc ông T2 được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp sông, rạch thửa 62a là 7.847.000 đồng vì bà cho rằng ông T2 không bỏ chi phí ra san lấp và cũng không phải là chủ sử dụng đối với thửa đất.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2018, bà Bé T thừa nhận trước đây gia đình bà có hỏi cha ông T2 để cất nhà sát lộ và trong hồ sơ địa chính không có tên của bà Bé T, vì vậy, tại biên bản kiểm kê số 139/BBKK-CNTTPTQĐ-MCB ngày 08/11/2016 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M, tỉnh Bến Tre về việc kiểm kê nhà ở, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên thửa 62a, bà Bé T thống nhất chủ tài sản trên đất là của bà, còn chủ sử dụng đất theo hiện trạng là ông Nguyễn Thành T2 và các bên đồng ý ký tên vào biên bản. Căn cứ hồ sơ trích lục bản đồ địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thì thửa 62a, 46b, 61a có tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Thành T2 và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M cũng đã tiến hành lập biên bản kiểm kê số 144/BBKK-CNTTPTQĐ-MCB ngày 08/11/2016 đối với ông T2. Do thửa 62a có mục đích sử dụng theo bản đồ 299 là rạch, ông T2 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa đủ điều kiện bồi thường về đất, vì vậy, sau khi Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M có bảng áp giá công khai lấy ý kiến số 144/BAG-CNTTPTQĐ ngày 11/5/2017 của ông T2 thì ông T2 thể hiện trong phiếu

đóng góp ý kiến là ông chưa đồng ý vì ông cho rằng phần đất này ông đã sử dụng từ xưa đến giờ và yêu cầu được xem xét, hỗ trợ cho ông. Trong khi đó, tại bảng áp giá công khai lấy ý kiến số 139/BAG-CNTTPTQĐ ngày 11/5/2017 đối với bà Bé T, có thể hiện về đất thì thửa số 62a do ông Nguyễn Thành T2 đang sử dụng theo hiện trạng, về các khoản bồi thường nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có ghi nhận bà Bé T cất nhà trên đất do ông Nguyễn Thành T2 đang sử dụng theo hiện trạng và bà Bé T đồng ý với bảng áp giá này.

Sau khi nhận được phiếu đóng góp ý kiến, ngày 08/6/2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M đã mời các hộ dân có phiếu lấy ý kiến chưa đồng ý để giải thích và ghi nhận ý kiến để xin chủ trương thống nhất thực hiện, trong đó có ông Nguyễn Thành T2 và một số hộ dân khác sử dụng đất mục đích theo bản đồ 299 là đất sông, rạch yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ đất. Ngày 15/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có công văn số 3711/UBND-KT về việc ý kiến việc bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 04 đoạn tuyến Quốc lộ 60 trên địa bàn huyện M đã thống nhất bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp cho 56 trường hợp hộ dân đã san lấp kênh, rạch, trong đó có hộ ông T2.

Khi biết được ông T2 nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp này, bà Bé T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện M. Qua làm việc, ông T2 đồng ý hỗ trợ lại bà Bé T 50% số tiền mà ông được bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp đối với thửa 62a vì bà Bé T có bơm cát trên thửa đất mà ông đã kê khai đứng tên. Tại biên bản làm việc ngày 16/11/2017, bà Bé T đồng ý với yêu cầu của ông T2 và rút đơn khiếu nại khi nhận được tiền. Ngày 22/11/2017, ông T2 đã nhận được số tiền 18.768.000 đồng, trong đó số tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí san lấp thửa 62a là 7.847.000 đồng. Sau đó, ông T2 đã giao cho bà Bé T số tiền 3.923.500 đồng. Như vậy, bà Bé T cũng đã nhận xong 50% của số tiền như thỏa thuận.

[5] Từ các cơ sở trên, xét thấy Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hợp đồng BOT đoạn 2, 3 địa bàn huyện M (đợt 5) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé T.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Bé T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Bé T thuộc diện người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hợp đồng BOT đoạn 2, 3 địa bàn huyện M (đợt 5) và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định bổ sung phần tiền san lấp mặt bằng cho bà theo diện tích giải tỏa.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Bé T được miễn nộp án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Bé T theo biên lai thu số 0008034 ngày 15/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (do ông Nguyễn Hữu T1 nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (4b);
- Tòa HC; Phòng KTNV và THA(2b);
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy